TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày: 11/5/2018
V/V tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thanh Hải.**
2. Ông **Trần Văn Tám.**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2017/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1967; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
2. *Bị đơn*: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1956; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trần Thị Kim Q**, sinh năm 1957; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1942. (Có đơn xin vắng mặt)

3.3. Anh **Trần Đăng Kh**, sinh năm 1987.(Có đơn xin vắng mặt)

3.4. Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1988.(Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1968.(Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trầnn Văn D trình bày:* Vào ngày 20/8/2012 âm lịch, ông D có cho ông Lê Văn L vay số tiền 70.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, phía ông L có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận; về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là một năm trả lại vốn. Sau khi vay cho đến nay phía ông L không có trả vốn và lãi. Nay ông D chỉ yêu cầu ông L trả lại số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn L trình bày:* Ông L thừa nhận vào ngày 20/8/2012 âm lịch, ông L có vay của ông D số tiền là 70.000.000 đồng, có làm biên nhận và ông L có ký tên vào biên nhận, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 7%/tháng, hạn vay khoảng 4 tháng trả lại vốn. Sau khi vay ông L có trả được vốn lãi là 68.853.000 đồng. Ông L là người trực tiếp trả cho vợ ông D là bà Trần Thị Kim L hai lần lúa quy ra tiền là 10.253.000 đồng, phần tiền còn lại là do vợ ông L trả cho ông D, mẹ ông D, con ông D và dâu của ông D, nhưng khi trả không có làm biên nhận nên ông L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ đối với ông D. Nay ông L cũng đồng ý trả cho ông D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim Q:* Bà Q thừa nhận chồng bà là ông Lê Văn L có vay của ông D số tiền 70.000.000 đồng là đúng. Nhưng sau khi vay, bà Q có đứng ra trả tiền vốn vay và lãi cho ông D, thay cho chồng bà là ông L với số tiền 58.600.000 đồng. Trong đó bà Q trả cho ông D, vợ ông D là Trần Thị Kim L, mẹ ông D là bà Nguyễn Thị A, con ông D là anh Trần Đăng K và con dâu của ông D là chị Nguyễn Thị Thùy D, nhưng khi trả tiền không có làm biên nhận. Đối với việc ông D kiện chồng bà là ông L nên việc thỏa thuận trả tiền như thế nào là do chồng bà toàn quyền quyết định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ như sau:* Việc vay tiền giữa ông L và con bà là Dũng, cũng như việc ông L có trả tiền vốn, lãi như thế nào cho Dũng thì bà Ánh không biết rõ; bà Ánh cũng không có nhận tiền vốn, lãi từ ông L hay vợ ông L trả tiền vay cho con bà là Dũng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ như sau:* Bà là vợ của ông D nhưng vợ chồng đã ly hôn từ năm 2017. Khi bà L còn sống chung với ông D thì phía ông D có cho ông L vay tiền bao nhiêu thì bà L không nắm được, việc có trả lãi hay không bà l không biết. Bà L cũng không có nhận tiền vốn hay tiền lãi từ ông L vì ông D và ông L hai bên giao dịch với nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đăng Kh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ như sau:* Anh Kh là con của ông D và bà L, trước đây khi cha, mẹ anh còn sống chung, cha anh có cho ông L vay tiền

bao nhiêu thì anh không nắm được, việc có trả lãi hay không anh cũng không biết; anh Kh cũng không có nhận tiền vốn hay tiền lãi từ ông L, vì cha anh và ông L hai bên giao dịch với nhau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ như sau:* Chị D là con dâu của ông D và bà L, trước đây khi cha, mẹ chồng chị còn sống chung, cha chồng chị có cho ông L vay tiền bao nhiêu thì chị không nắm được, việc có trả lãi hay không chị cũng không biết; chị D cũng không có nhận tiền vốn hay tiền lãi từ ông L, vì cha chồng chị là ông D và ông L hai bên giao dịch với nhau.

Về phía đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt về pháp luật nên không có đề nghị gì.

Về ý kiến của phía đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D. Buộc ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Chứng cứ Tòa án thu thập:

- Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 08/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A, bà Trần Thị Kim L, anh Trần Đăng Kh, chị Nguyễn Thị Thùy D. Xét thấy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn D:* Yêu cầu ông Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn ông D là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn ông D xác định vào ngày 20/8/2012 âm lịch, ông L có vay của ông D số tiền 70.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, phía ông L có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là một năm trả lại vốn nhưng sau khi vay cho đến nay phía ông L không có trả vốn và lãi. Nay ông D chỉ yêu cầu ông L trả lại số tiền vốn là 70.000.000 đồng. Phía ông D cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có quan hệ hợp đồng cho ông L vay tiền là 01 biên nhận vay tiền lập ngày 20/8/2012 âm lịch. Đối với phía ông L cũng thừa nhận có vay của ông D số tiền là 70.000.000 đồng và có ký tên ghi họ tên vào biên nhận. Sau khi vay ông L và vợ ông L có trả vốn và lãi cho phía ông

D, mẹ ông D, vợ ông D và các con của ông D nhưng khi trả không có làm biên nhận. Do ông D không thừa nhận việc trả vốn và lãi nên ông L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là có trả tiền vốn và lãi cho ông D. Nay ông L cũng đồng ý trả cho ông D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Phía ông D thì không đồng ý cho ông L trả dần và yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với phía nguyên đơn ông D và việc xin trả dần của ông L, gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn và phía nguyên đơn ông D cũng không đồng ý cho ông L trả dần hàng tháng là 500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận việc xin trả dần của phía ông L. Từ những tài liệu, chứng cứ như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D và buộc phía bị đơn ông Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật

- *Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D, nên phía bị đơn ông L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía ông D là 70.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí, nên ông L phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D.

Buộc ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Trần Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Lê Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Trần Văn D 1.295.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001092 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A, bà Trần Thị Kim L, anh Trần Đăng Kh, chị Nguyễn Thị Thùy D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn